



UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
THANH TRA THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /KL-TT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2026



KẾT LUẬN THANH TRA

**Về việc thanh tra việc chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính;
quản lý và sử dụng tài sản công; việc chấp hành pháp luật về đầu tư
tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai
(nay là Thành phố Đồng Nai)**

Thực hiện Quyết định số 169/QĐ-TT ngày 31/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh thanh tra việc chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính; quản lý và sử dụng tài sản công; việc chấp hành pháp luật về đầu tư tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai. Từ ngày 08/4/2026 đến ngày 22/5/2026, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai (sau đây viết tắt là Ban Quản lý).

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với Ban Quản lý, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng Dụng công nghệ cao Bình Phước nay là Trung tâm Ứng Dụng công nghệ sinh học Đồng Nai, Trung tâm Đào tạo cung ứng lao động Kỹ thuật, Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp; các tổ chức, cá nhân có liên quan và tiến hành kiểm tra, xác minh các nội dung thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 17/BC-ĐTT ngày 10/6/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra; Chánh Thanh tra thành phố kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Ban Quản lý là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn; quản lý và tổ chức cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

Ban Quản lý là đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

Ban quản lý có cơ cấu tổ chức gồm: Ban lãnh đạo (01 Phó Trưởng Ban phụ trách và 05 Phó Trưởng Ban); Văn phòng, Phòng Quản lý Đầu tư, Phòng Quản lý Doanh nghiệp, Phòng Quản lý Lao động, Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng,

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý Công nghệ cao, Văn phòng Đại diện tại các Khu công nghiệp, Văn phòng Đại diện Khu kinh tế Cửa khẩu Hoa Lư, Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai, Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật và Trung tâm Khai thác hạ tầng KCN.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra, xác minh trên cơ sở hồ sơ tài liệu, dữ liệu kế toán, chứng từ, sổ sách kế toán do đơn vị cung cấp, không tiến hành đối chiếu, xác minh tính hợp pháp của các hóa đơn, chứng từ; không kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025 do đã được Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Đồng Nai kiểm tra theo Quyết định số 387-QĐ/UBNDTTU ngày 06/02/2025 và có Thông báo kết luận kiểm tra số 361-TB/UBNDTTU ngày 11/6/2025.

I. Việc chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính

Tổng hợp tình hình dự toán, thu chi ngân sách tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Ban Quản lý giai đoạn năm 2024 - 2025 (Kèm theo Phụ lục số 01).

1. Việc chấp hành chế độ kế toán

1.1. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai

- Đơn vị có bố trí 01 công chức phụ trách Kế toán. Hình thức kế toán Nhật ký chung. Đơn vị không mở sổ quỹ tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II (Nguyên tắc kế toán tiền mặt), Phụ Lục 02 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính: “*Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày...*”; không mở sổ kế toán để ghi chép số thu các khoản phí, lệ phí; không kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng; không in sổ cái, sổ nhật ký chung là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 5¹; tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5² và điểm c khoản 5 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, đơn vị đã làm thất lạc 04 phiếu thu với tổng số tiền 99.956.909 đồng và 14 phiếu chi tiền mặt tổng số tiền 121.327.109 đồng là không đúng quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán tại khoản 1 Điều 41 và điểm b khoản 5 Điều 41 Luật Kế toán năm 2015³.

1.2. Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Đơn vị có bố trí 01 công chức phụ trách Kế toán. Hình thức kế toán Nhật ký chung. Đơn vị mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bình Phước để chi trả lương cho công chức và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thu

¹ khoản 1 Điều 5: “Đơn vị hành chính, sự nghiệp phải mở sổ kế toán để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh có liên quan đến đơn vị kế toán. Việc bảo quản, lưu trữ sổ kế toán thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, các văn bản có liên quan và quy định tại Thông tư này”

² tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5: “...Riêng ngày cuối tháng phải lập Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt, sau khi kiểm kê, Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lưu cùng với sổ kế toán tiền mặt ngày cuối cùng của tháng”.

³ khoản 1 Điều 41: “1. Tài liệu kế toán phải được đơn vị kế toán bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và lưu trữ” và điểm b khoản 5 Điều 41: “Ít nhất là 10 năm đối với chứng từ kế toán sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính, sổ kế toán và báo cáo tài chính năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

các khoản phí, lệ phí nhưng không mở sổ kế toán để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Đơn vị thực hiện thanh toán tự động qua tài khoản ngân hàng của đơn vị đối với các khoản tiền điện, điện thoại, nước... nhưng không in chứng từ thanh toán ra giấy và lưu trữ; đồng thời hiện nay, phần mềm kế toán đã khoá và ngừng sử dụng, không thể truy cập vào phần mềm để tra cứu các chứng từ thanh toán trên là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 18⁴ Luật Kế toán năm 2015.

- Không in và lưu trữ đầy đủ Sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái), chưa thực hiện Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại là không đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5⁵ và khoản 7 Điều 6 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

1.3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

Đơn vị có bố trí 01 công chức phụ trách Kế toán. Hình thức kế toán Nhật ký chung. Đơn vị không mở Sổ kế toán tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1⁶ Mục II (Nguyên tắc kế toán tiền mặt) Phụ Lục 01 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024; không mở sổ kế toán để ghi chép số thu các khoản phí, lệ phí là không đúng quy định khoản 1 Điều 6⁷ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024; không thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng là không đúng quy định tại tiết b⁸ điểm 1.4 khoản 1 Mục II Nguyên tắc Kế toán tiền mặt Phụ Lục 01 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024; không in Sổ Nhật ký chung là chưa lưu trữ đầy đủ sổ sách kế toán không đúng quy định tại khoản 1 Điều 10⁹ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

1.4. Kiểm tra, xác minh tại Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật và Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp, kết quả như sau:

- Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật

+ Đơn vị có bố trí 01 nhân sự phụ trách Kế toán nhưng không có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Kế toán 2015: “1. Người làm kế toán phải có các tiêu chuẩn sau đây: b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.”

⁴ khoản 6 Điều 18: “Chứng từ kế toán được lập dưới dạng chứng từ điện tử phải tuân theo quy định tại Điều 17, khoản 1 và khoản 2 Điều này. Chứng từ điện tử được in ra giấy và lưu trữ theo quy định tại Điều 41 của Luật này... Trường hợp không in ra giấy mà thực hiện lưu trữ trên các phương tiện điện tử thì phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ”.

⁵ điểm c khoản 5 Điều 5: “Trường hợp lập sổ kế toán trên phương tiện điện tử: Phải đảm bảo các yếu tố của sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.”

⁶ điểm 1.2 khoản 1 Mục II: “Đơn vị phải mở sổ kế toán tiền mặt để ghi sổ hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm, luôn đảm bảo khớp đúng giữa giá trị ghi trên sổ kế toán, sổ quỹ và thực tế tiền mặt tại đơn vị...”

⁷ khoản 1 Điều 6 “Đơn vị phải mở sổ kế toán để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh tại đơn vị. Việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ, bảo quản, lưu trữ sổ kế toán thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, các văn bản pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này”.

⁸ tiết b điểm 4 khoản 1 Nguyên tắc Kế toán tiền mặt Phụ Lục 01: “Ngày cuối tháng, đơn vị phải thực hiện kiểm kê tiền mặt thực tế có tại đơn vị, trên cơ sở thực tế tiền kiểm kê lập Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt tồn thực tế”.

⁹ khoản 1 Điều 10: “Tất cả các hồ sơ, tài liệu kế toán của đơn vị phải được bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và trong thời gian phải lưu trữ theo quy định của pháp luật kế toán. Việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán thực hiện theo hướng dẫn của Luật Kế toán...”.



+ Không mở Sổ quỹ tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II (Nguyên tắc kế toán tiền mặt), Phụ Lục 02 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; hàng tháng, không kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng; không in Sổ cái để lưu trữ là không đúng quy định tại tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5 và điểm c khoản 5 Điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017; tiết 2 điểm b1 khoản 8 Điều 6¹⁰ và khoản 1 Điều 10 Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

- *Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp*

Đơn vị có bố trí 01 nhân sự phụ trách Kế toán. Đơn vị không mở sổ kế toán quỹ tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II (Nguyên tắc kế toán tiền mặt), Phụ Lục 02 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; hàng tháng, không thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng là không đúng quy định tại tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và tiết 2 điểm b1 khoản 8 Điều 6¹¹ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính. Đơn vị thu tiền phí hạ tầng bằng tiền mặt nhưng không lập Phiếu thu tiền mặt và chỉ các khoản chi bằng tiền mặt nhưng không lập Phiếu chi tiền mặt là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Kế toán năm 2015: “*Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của đơn vị kế toán phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ được lập một lần cho mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính*”; không in Sổ cái, Sổ Nhật ký chung để lưu trữ là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; không lập Thuyết minh Báo cáo quyết toán là chưa đầy đủ Danh mục báo cáo quy định tại khoản 7 Điều 6¹² Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và khoản 7 Điều 8¹³ số Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

2. Việc xây dựng và thực hiện dự toán thu

2.1. Nguồn thu do Ngân sách nhà nước

2.1.1. Việc lập dự toán thu ngân sách

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước không thực hiện lập dự toán thu phí, lệ phí theo quy định tại khoản 4 Điều 11¹⁴ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

2.1.2. Việc giao và chấp hành dự toán thu ngân sách

¹⁰ tiết 2 điểm b1 khoản 8 Điều 6: “Tất cả các hồ sơ, tài liệu kế toán của đơn vị phải được bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và trong thời gian phải lưu trữ theo quy định của pháp luật kế toán. Việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán thực hiện theo hướng dẫn của Luật Kế toán...”

¹¹ tiết 2 điểm b1 khoản 8 Điều 6: “Tất cả các hồ sơ, tài liệu kế toán của đơn vị phải được bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và trong thời gian phải lưu trữ theo quy định của pháp luật kế toán. Việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán thực hiện theo hướng dẫn của Luật Kế toán...”

¹² khoản 7 Điều 6: “Danh mục báo cáo, mẫu báo cáo, giải thích phương pháp lập báo cáo quyết toán ngân sách nêu tại Phụ lục số 04, kèm theo Thông tư này”

¹³ khoản 7 Điều 8: “Danh mục báo cáo, mẫu báo cáo, hướng dẫn lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động nêu tại Phụ lục III “Hệ thống báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động” kèm theo Thông tư này”.

¹⁴ khoản 4 Điều 11: Lập dự toán thu, chi NSNN: “4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí phải lập dự toán thu từng loại phí, lệ phí, chi tiết tổng số thu, số nộp ngân sách, ... gửi đơn vị dự toán cấp I tổng hợp chung trong dự toán thu, chi NSNN theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.”

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

+ Năm 2024: Tổng dự toán thu ngân sách được giao là 2.378 triệu đồng, gồm: Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường 1.739 triệu đồng; phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư 600 triệu đồng; lệ phí cấp giấy phép xây dựng 39 triệu đồng.

+ Năm 2025: Tổng dự toán thu ngân sách được giao là 1.495 triệu đồng, gồm: Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường 780 triệu đồng; phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư 300 triệu đồng; phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 là 400 triệu đồng; lệ phí cấp giấy phép xây dựng 15 triệu đồng.

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

Năm 2024, 2025 đơn vị không lập dự toán thu phí lệ phí, do đó UBND tỉnh Bình Phước không giao dự toán thu ngân sách cho đơn vị.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

+ Đơn vị không thực hiện điều chỉnh dự toán thu NSNN theo Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai.

+ Đơn vị thực hiện phân bổ nguồn thu ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp II, đơn vị cơ bản thực hiện theo quy định.

2.2. Việc quản lý các khoản thu, nộp và quyết toán phí, lệ phí

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

Năm 2024, đơn vị đã thu và nộp NSNN số tiền 4.334.459.965 đồng, năm 2025 thu và nộp NSNN số tiền 1.301.360.047 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chậm nộp vào NSNN, cụ thể: không nộp ngân sách trước ngày 05 hàng tháng, có trường hợp để tồn quỹ đến cuối tháng hoặc sang 01 đến 02 tháng tiếp theo mới nộp NSNN là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 3¹⁵ tại Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành quy định thu phí, lệ phí của các cơ quan, đơn vị tại trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai.

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

Năm 2024, đơn vị đã thu và nộp NSNN số tiền là: 1.711.288.331 đồng, năm 2025 thu và nộp NSNN số tiền 2.059.107.527 đồng.

Đơn vị chưa nộp phí lệ phí kịp thời vào NSNN theo quy định; có trường hợp lưu tiền tại đơn vị đến cuối tháng hoặc sang tháng tiếp theo mới nộp NSNN là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 3¹⁶ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

¹⁵ a) Tài khoản chuyên thu được mở tại ngân hàng và chỉ được sử dụng để tiếp nhận các khoản thu phí, lệ phí hàng ngày tại Trung tâm (thu bằng hình thức thu tiền mặt, chuyển khoản hoặc các hình thức khác) và không được sử dụng để thanh toán hoặc sử dụng vào các mục đích khác....

b) Định kỳ thứ hai hàng tuần và ngày cuối tháng của mỗi tháng (Trường hợp ngày cuối tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ thì thực hiện vào ngày thứ sáu của tuần cuối tháng), Ngân hàng thực hiện rà soát, đối chiếu, xác nhận số thu phí, lệ phí trong tuần chuyển tiền thu phí, lệ phí thu được về tài khoản của các cơ quan, đơn vị tại Kho bạc nhà nước tỉnh để nộp NSNN và thực hiện thanh quyết toán với Cục thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh (trước ngày 05 hàng tháng).

¹⁶ Khoản 2 Điều 3. Kế khai, thu, nộp, quyết toán phí, lệ phí:

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

Năm 2025, đơn vị đã thu và nộp NSNN số tiền đồng 3.191.607.726 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chậm nộp vào NSNN cụ thể:

Không nộp ngân sách trước ngày 05 hàng tháng, có trường hợp để tồn quỹ đến cuối tháng hoặc sang 01 đến 02 tháng tiếp theo mới nộp NSNN là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 3¹⁷ Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Đơn vị còn để tồn đọng (treo) số tiền thu phí, lệ phí đến thời điểm 31/12/2025 số tiền 1.221.864.858 đồng chưa nộp vào NSNN là không đúng quy định tại Điều 13 Luật Phí và lệ phí năm 2015: "*Lệ phí thu được phải nộp đầy đủ, kịp thời vào NSNN*" và quy định tại khoản 2 Điều 3¹⁸ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định về kê khai, thu, nộp và quyết toán phí, lệ phí. Đơn vị giải trình tại Công văn số 650/KCNKKT ngày 09/6/2026, nguyên nhân là do ngay khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp phải thanh toán tiền phí, lệ phí vào hệ thống, trong quá trình thẩm định một số trường hợp đề nghị rút hồ sơ do chưa đủ điều kiện giải quyết, doanh nghiệp chưa thực hiện thủ tục đề nghị hoàn trả tiền nên khoản tiền trên chưa đủ điều kiện xác nhận; ngoài ra một số trường hợp sai sót thanh toán trực tuyến như chuyển khoản nhiều lần hoặc thanh toán nhầm số tiền, hệ thống bị lỗi, do đó số dư tài khoản chuyên thu phí, lệ phí có tồn đọng chưa xác định chính xác để nộp vào NSNN.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và Ban Quản lý mở tài khoản chuyên thu tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đồng Nai để quản lý tiền thu phí, lệ phí; trong quá trình quản lý tài khoản có phát sinh lãi tiền gửi số tiền 1.518.263 đồng, tuy nhiên đơn vị chưa xử lý nộp vào NSNN theo quy định tại khoản 4 Điều 3¹⁹ Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai và quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính Quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính: "*Tiền lãi phát sinh trên số dư tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại các tổ chức tín dụng phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước, cùng số tiền phí, lệ phí phải nộp trong tháng phát sinh.*"

2.3. Việc công khai mức thu phí, lệ phí

Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và Ban Quản lý thực hiện thu phí, lệ phí tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai (Quyết định số

¹⁷ b) Định kỳ thứ hai hàng tuần và ngày cuối tháng của mỗi tháng (Trường hợp ngày cuối tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ thì thực hiện vào ngày thứ sáu của tuần cuối tháng), .. và thực hiện thanh quyết toán với Cục thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh (trước ngày 05 hàng tháng).

¹⁸ 2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được như sau:

a) Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào NSNN. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

¹⁹ khoản 4 Điều 3: "4. Tiền lãi tài khoản chuyên thu và các ưu đãi về tài chính (nếu có) là một khoản thu của NSNN và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Định kỳ 03 tháng, Ngân hàng phải thực hiện chuyển phần lãi phát sinh (nếu có) của tài khoản chuyên thu vào NSNN theo quy định."

25/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai). Tuy nhiên, đơn vị chưa thực hiện niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí, đối tượng thu và văn bản quy định tại điểm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 14²⁰ Luật Phí và lệ phí năm 2015.

2.4. Kiểm tra, xác minh tại Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp và Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật, kết quả:

Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp chưa được giao dự toán thu phí, lệ phí; Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật được giao dự toán thu phí, lệ phí.

2.5. Nguồn thu khác

Ban Quản lý có phát sinh thu khác, cụ thể: Tiền lãi phát sinh của tài khoản chuyên thu phí, lệ phí với số tiền 1.518.263 đồng (năm 2024: 402.892 đồng, năm 2025: 1.115.371 đồng). Đơn vị chưa nộp vào NSNN theo quy định; thu thanh lý tài sản công năm 2025 số tiền 8.879.000 đồng (Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai) sau khi trừ chi phí thẩm định, số tiền còn lại 5.639.000 đồng đơn vị đã nộp NSNN theo quy định.

3. Việc quản lý và thực hiện dự toán chi

3.1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

Qua kiểm tra, đối chiếu hệ thống sổ sách kế toán và chứng từ chi tại đơn vị. Kết quả: Đơn vị thực hiện theo quy định hiện hành, chứng từ kế toán được lập, phản ánh kịp thời các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh theo nội dung chi, có hóa đơn chứng từ đầy đủ. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau:

3.1.1. Đối với nguồn kinh phí giao tự chủ

- Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp kinh phí quản lý hành chính cho đơn vị tại Quyết định số 562/QĐ-STC ngày 12/12/2023 là 60 biên chế. Tuy nhiên, ngày 23/01/2024, UBND tỉnh Đồng Nai có Công văn số 910/UBND-KGVX về việc xử lý lương cán bộ công chức đồng ý chi trả lương cho 60 biên chế trong tháng 01 và tháng 02 năm 2024; từ tháng 3 trở đi là 58 biên chế. Số kinh phí đã cấp và quyết toán không đúng là 120.000.000 đồng (02 người x 80 triệu/12 tháng x 10 tháng - 10% kinh phí tiết kiệm).

- Kinh phí thanh toán tiền hỗ trợ cán bộ công chức, người lao động tham quan du lịch nghỉ dưỡng năm 2024 số tiền 63.000.000 đồng. Đơn vị không thực hiện chỉ định thầu là chưa đúng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23²¹ Luật Đấu thầu năm 2023.

3.1.2. Đối với nguồn kinh phí giao không tự chủ

²⁰ khoản 1 Điều 14: “1. Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên Trang thông tin điện tử của tổ chức thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí.”

²¹ điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu 2023: “Gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng....”



- Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí giao không tự chủ chi thanh toán thường xuyên tiền dịch vụ công cộng: Văn phòng phẩm, nhiên liệu, công tác phí...số tiền 195.922.058 đồng (gồm: tiền nước uống phục vụ cơ quan 57.227.285 đồng, tiền thuê xe 10.000.000 đồng, tiền công tác phí 66.784.500 đồng, tiền cước bưu chính 2.878.057 đồng, tiền văn phòng phẩm, vật tư văn phòng 59.032.216 đồng) là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 12²² Luật NSNN năm 2015. (Kèm phụ lục số 02)

- Đối với việc thanh toán tiền thiết kế, biên tập, in ấn 500 bộ tài liệu; chi phí thuê dịch vụ phục vụ Hội nghị FDI 2024; chi phí thuê dịch vụ phục vụ Hội thảo Khoa học, chi phí thuê dịch vụ phục vụ Hội nghị giao thương doanh nghiệp Nhật Bản của 04 chứng từ thanh toán²³ trên 50 triệu đồng, tuy nhiên đơn vị không thực hiện chỉ định thầu là chưa đúng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu năm 2023.

3.2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

3.2.1. Đối với nguồn kinh phí giao tự chủ: Kiểm tra đối chiếu 06 chứng từ chi thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp với tổng số tiền 2.690.624.556 đồng. Kết quả chứng từ được lập đảm bảo theo quy định hiện hành, phản ánh kịp thời các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh theo nội dung chi.

3.2.2. Đối với nguồn kinh phí giao không tự chủ: Kiểm tra đối chiếu 37 chứng từ thanh toán tiền văn phòng phẩm, tiền phân tích nước thải và khí thải trong khu công nghiệp kinh phí sự nghiệp môi trường, tiền thuê xe đi thăm định quy hoạch, thăm định báo cáo nghiên cứu khả thi, tiền phục vụ công tác Đảng,... tổng số tiền 597.436.342 đồng. Kết quả: chứng từ kế toán được lập, phản ánh kịp thời các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh, các khoản chi có hóa đơn chứng từ đầy đủ.

3.3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

3.3.1. Đối với nguồn kinh phí giao tự chủ: Đơn vị chấp hành dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót: Năm 2025, đơn vị thanh toán 14 phiếu chi bằng tiền mặt tổng số tiền 121.327.109 đồng; nội dung chi: tiền khoán nhiên liệu cho các phòng ban, tiền khen thưởng của các tập thể phòng, tiền mua vật dụng vệ sinh... là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018: “các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên”.

3.3.2. Đối với nguồn kinh phí giao không tự chủ: Đơn vị chấp hành việc tiếp nhận, phân bổ dự toán nguồn kinh phí theo đúng quyết định phê duyệt. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau: Đơn vị chi thanh toán tiền dịch vụ công cộng: tiền nước, tiền cước bưu chính; tiền mua vật tư văn phòng, tiền làm thêm giờ, tổng số tiền 34.501.369 đồng (gồm: tiền nước uống 3.921.000 đồng, tiền cước bưu chính 1.222.032 đồng, tiền cước internet 1.196.000 đồng, tiền điện thoại 640.000 đồng, tiền giấy vệ sinh 18.066.080 đồng, tiền làm thêm giờ 9.456.257 đồng) là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật NSNN năm 2015. Đến thời điểm thanh tra, đơn vị chưa được quyết toán năm 2025. (Kèm phụ lục số 03)

²² khoản 2, Điều 12 :“ 2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao....”.

²³ 04 chứng từ thanh toán (gồm số 050 ngày 26/3/2024, số 071 ngày 11/4/2024, số 141 ngày 18/7/2024, số 312 ngày 31/12/2024)

3.4. Kiểm tra, xác minh tại Trung tâm Ứng Dụng công nghệ sinh học Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Ứng Dụng công nghệ cao Bình Phước và Trung tâm Đào tạo cung ứng lao động Kỹ thuật, kết quả: 03 đơn vị lập các chứng từ thanh toán phù hợp quy định; công tác hạch toán kế toán phản ánh kịp thời các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh.

4. Việc thực hiện trích lập và sử dụng các loại quỹ

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Ban Quản lý là cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh, không thuộc đối tượng phải trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 30/5/2014.

5. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý các Khu kinh tế Bình Phước và Ban Quản lý đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, đơn vị còn tồn tại, thiếu sót sau:

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

+ Khoản tiền xăng đi công tác trong thành phố Biên Hòa và các vùng lân cận cách trụ sở <15 km với mức khoán 200.000 đồng/người của phòng, năm 2024 tổng số tiền 117.600.000 đồng, năm 2025 tổng số tiền 58.800.000 đồng; khoản tiền nhiên liệu cho công chức đi công tác tại Văn phòng Đại diện với mức khoán là 500.000 đồng/người, năm 2024 tổng số tiền 36.000.000 đồng, năm 2025 tổng số tiền 18.000.000 đồng là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai²⁴.

+ Chi tăng thu nhập dựa trên tổng hệ số lương, hệ số phụ cấp chức vụ năm 2024 tổng số tiền 1.033.438.860 đồng, năm 2025 số tiền 594.303.840 đồng là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ²⁵.

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước: Khi xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ không có ý kiến tham gia bằng văn bản của Công đoàn cơ sở là chưa đúng mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; không quy định chi tiết các nội dung công

²⁴ “b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.”

²⁵ “Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức và người lao động; không thực hiện việc chia thu nhập tăng thêm cao bằng bình quân hoặc chia theo hệ số lương....”

tác phí là không đúng quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3²⁶ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014; không xây dựng chi tiết phương án chi trả thu nhập tăng thêm từ nguồn kinh phí tiết kiệm cán bộ, công chức và người lao động là không đúng quy định tại điểm b, c khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ²⁷.

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai*

+ Không quy định việc xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán là chưa đúng quy định tại mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

+ Khoán nhiên liệu theo tháng cho công chức các phòng đi công tác cách trụ sở <15 km với mức khoán 500.000 đồng/người của phòng, tổng số tiền 162.800.000 đồng, khoán tiền nhiên liệu cho công chức công tác tại Văn phòng Đại diện, tổng số tiền 21.500.000 đồng là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

+ Chi tiền hỗ trợ lao động hợp đồng từ kinh phí tiết kiệm hoạt động năm 2025 số tiền 63.000.000 đồng nhưng không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ²⁸.

+ Khoán phương tiện đi công tác căn cứ vào Quyết định số 46/2020 ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Ngày 04/6/2026, Ban Quản lý có Công văn số 563/KCNKKT-VP về việc giải trình bổ sung nội dung liên quan đến quy chế chi tiêu nội bộ, qua đó thể hiện: Do đặc thù của công việc chuyên môn các khoản chi trên đều là những khoản chi phát sinh thực tế phục vụ cho công tác chuyên môn, chỉ cho người lao động. Mặt khác qua nắm bắt thông tin các cơ quan chuyên môn trên địa bàn tại thời điểm đó cũng đang thực hiện việc hỗ trợ tiền nhiên liệu giống như đơn vị. Ngày 03/10/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó quy định: “... *cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác trên 10 ngày/tháng thì được thanh toán khoán tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức tối đa 700.000 đồng/người/tháng*”. Do vậy, đơn vị đề nghị xem xét không thu hồi số tiền nêu trên.

6. Việc thực hiện công khai minh bạch tài chính trong hoạt động sử dụng kinh phí của đơn vị

²⁶ “c): “... Cử cán bộ, công chức và người lao động đi công tác trong nước, chế độ thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ, khoán phương tiện đi lại cho những trường hợp thường xuyên phải đi công tác;”

²⁷ “b) Kinh phí tiết kiệm được sử dụng cho các nội dung sau: - Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động; c) Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan sau khi đã thống nhất ý kiến bằng văn bản với tổ chức công đoàn cơ quan.”

²⁸ c) Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan ...”

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai*: Đã thực hiện công khai dự toán NSNN năm 2024, số liệu thực hiện dự toán NSNN quý 1, quý 3/2024. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau: Đơn vị không công khai dự toán điều chỉnh; không công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 4, 6 tháng, năm 2024; không công khai quyết toán NSNN năm 2024; không thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 1/2025 là chưa đúng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính²⁹.

- *Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước*: Đã thực hiện công khai dự toán NSNN năm 2024 và năm 2025; công khai thực hiện dự toán thu chi NSNN quý 2, quý 3, quý 4/2024 và năm 2024; công khai thực hiện dự toán thu chi NSNN quý 1, quý 2/2025. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau:

+ Công khai dự toán ngân sách năm 2025 chậm 17 ngày theo quy định tại khoản 1³⁰ Điều 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

+ Đơn vị không thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 1/2024 là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai*: đã thực hiện công khai thực hiện thu chi NSNN quý 3/2025, quý 4/2025, năm 2025. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau:

+ Công khai dự toán thu chi ngân sách quý 3 chậm 30 ngày theo quy định tại khoản 2³¹ Điều 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

+ Không thực hiện công khai dự toán ngân sách điều chỉnh năm 2025 là chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

7. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7.1. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai*: Ban hành các văn bản triển khai và báo cáo công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí gồm: Kế hoạch số 27/KH-KCNĐN ngày 28/3/2024, Báo cáo số 76/BC-KCNĐN ngày 06/6/2024, Báo cáo số 177/BC-KCNĐN ngày 13/11/2024, Kế hoạch số 21/KH-KCNĐN ngày 12/3/2025, Báo cáo số 02/BC-KCNĐN ngày 08/01/2025, Báo cáo số 55/BC-KCNĐN ngày 22/5/2025. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau: Đơn vị trực thuộc Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai không xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí kèm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 và Quyết định

²⁹ hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ: “Điều 3. Nội dung công khai
1. Công khai dự toán ngân sách... 2. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN (quý, 6 tháng, năm)... 3. Công khai quyết toán NSNN”.

³⁰ Khoản 1: “1. Báo cáo dự toán NSNN phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền giao đầu năm và điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có).”

³¹ Khoản 2: “2. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN hằng quý, 6 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.”

số 652/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Đồng Nai.

- *Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước*: Ban hành các văn bản triển khai và báo cáo công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí như: Kế hoạch số 26/KH-BQL ngày 03/4/2024, Báo cáo số 66/BC-BQL ngày 22/5/2024, Báo cáo số 168/BC-BQL ngày 04/11/2024, Kế hoạch số 19/KH-BQL ngày 14/3/2025, Báo cáo số 75/BC-BQL ngày 21/5/2025. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau: Ngày 03/4/2024, đơn vị ban hành Kế hoạch số 26/KH-BQL chậm 09 ngày và không chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, năm 2025 là chưa đúng theo chỉ đạo tại mục 1 phần V tại Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 và Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 24/2/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai*: Ngày 23/01/2026, đơn vị ban hành Báo cáo số 25/BC-KCNKKT về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025. Tuy nhiên, đơn vị không báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 10 tháng và ước 02 tháng năm 2025 là chưa đúng theo chỉ đạo tại mục 2 phần IV tại Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí kèm theo Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

7.2. Công tác phòng, chống tham nhũng

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai*: Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện và báo cáo về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực như: Kế hoạch số 14/KH-KCNĐN ngày 27/02/2024, Báo cáo số 203/BC-KCNĐN ngày 06/12/2024, Kế hoạch số 07/KH-KCNĐN ngày 05/02/2025. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau: Đơn vị xây dựng Kế hoạch số 14/KH-KCNĐN chậm 31 ngày, Kế hoạch số 07/KH-KCNĐN chậm 05 ngày theo chỉ đạo tại mục 1 phần III tại Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2024 và Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

- *Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước*: Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực như: Kế hoạch số 16/KH-BQL ngày 11/3/2024, Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 07/3/2025, Báo cáo số 200/BC-BQL ngày 05/12/2024.

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai*: Ban hành Báo cáo số 190/BC-KCNKKT ngày 10/12/2025 về kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025.

8. Việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Ban Quản lý thực hiện việc kê khai, nộp thuế TNCN, phí, lệ phí theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ

phí đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2023 ngày 28/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Tuy nhiên, còn tồn tại, thiếu sót sau:

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai*: Thu nhập chịu thuế đơn vị chưa tính các khoản thu nhập từ tiền nhuận bút, khoản chi trong các ngày lễ, thu nhập từ tiền làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động là chưa đúng theo quy định tại điểm c, đ7 khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013 BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân³².

- *Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai*: Đến thời điểm thanh tra, đơn vị chưa thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019³³ khoản 1 Điều 55 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019³⁴ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

9. Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

Trong kỳ Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai đã được kiểm tra, kiểm toán, cụ thể như sau:

- UBKT Tỉnh ủy Đồng Nai kiểm tra theo Quyết định số 387-QĐ/UBKTTU ngày 06/02/2025 về việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Đảng ủy Ban Quản lý các Khu công nghiệp và đồng chí Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp³⁵. Kết quả: Đơn vị đã khắc phục khuyết điểm theo Thông báo kết luận của UBKT Tỉnh ủy và đã có Báo cáo số 75/BC-KCNKKT ngày 23/4/2026 về thực hiện khắc phục các vi phạm, khuyết điểm sau kiểm tra theo Công văn số 7017-CV/UBKTTU ngày 16/6/2025 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Kiểm toán Nhà nước kiểm toán Chuyên đề theo Quyết định số 769/QĐ-KTNN ngày 29/5/2025 việc thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghiệp (KCN) giai đoạn 2022 - 2024 tại tỉnh Đồng Nai (*trong đó có kiểm toán tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai*)³⁶. Đến thời điểm thanh tra, đơn vị

³² “c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút...”

³³ “a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm; chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ khai thuế năm;”

³⁴ “1. Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.”

³⁵ Nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ; việc ban hành quy trình, tiếp nhận và giải quyết, thu phí các thủ tục hành chính; việc kiểm tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; việc tổ chức kiểm tra vận hành thử nghiệm sau khi cấp giấy phép môi trường; việc giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong mốc thời gian kiểm tra; việc thực hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính; việc thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

³⁶ Nội dung kiểm toán công tác xây dựng, chỉ đạo thực hiện phương án phát triển khu công nghiệp; việc chấp hành pháp luật đầu tư trong hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; công tác ban hành và thực hiện thủ tục hành



đang thực hiện kết quả của kiểm toán theo Văn bản số 3649/UBND-KTNS ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đề nghị tổ chức thực hiện kiến nghị kiểm toán Chuyên đề thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2022-2024 tại tỉnh Đồng Nai.

II. Việc quản lý và sử dụng tài sản công

1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

- *Công tác tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản, theo dõi, kiểm kê, khấu hao tài sản công*: Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không in sổ theo dõi tài sản cố định; sổ tài sản cố định theo dõi trên phần mềm không cập nhật đầy đủ các thông tin như: số hiệu, ngày tháng chứng từ mua tài sản, nước sản xuất là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5³⁷ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- *Việc báo cáo và công khai tài sản công*: Năm 2024, đơn vị không báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công theo Mẫu số 08a-ĐK/TSC và báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo Mẫu 08b-ĐK/TSC là chưa đúng quy định tại khoản Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính³⁸; không công khai tài sản công tại đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng theo Mẫu số 09b-CK/TSC và Mẫu số 09c-CK/TSC là chưa đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công³⁹.

- *Việc đầu tư mua sắm; việc sử dụng, sửa chữa tài sản và thanh lý tài sản công*: Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản công. Tuy nhiên, đơn vị thanh lý tài sản công hết hạn, hư hỏng, không còn sử dụng, số tiền thu từ thanh lý là 8.879.000 đồng. Sau khi trừ chi phí thẩm định giá 3.240.000 đồng, đơn vị đã nộp NSNN số tiền 5.639.000 đồng theo quy định.

*** Kiểm tra, xác minh tại Trung tâm Đào tạo - Cung ứng Lao động Kỹ thuật, kết quả như sau:**

- Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không tiếp nhận tài sản công từ nơi khác chuyển đến. Đơn vị không xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công là chưa đúng quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính⁴⁰; không mở sổ theo dõi tài sản cố định, không kiểm kê tài sản định kỳ là chưa đúng quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính. Năm 2024, đơn vị không báo cáo tổng hợp

chính, kiểm tra, giám sát; công tác báo cáo về quản lý KCN;... và thực hiện kiểm tra thực tế tại 35 khu công nghiệp đã được thành lập.

³⁷ khoản 2, điểm a. Lập thẻ tài sản cố định, kế toán đối với toàn bộ tài sản cố định hiện có của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành; mỗi tài sản cố định được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán..”

³⁸ điểm a. Báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công theo Mẫu số 08a-ĐK/TSC, điểm b. Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo Mẫu số 08b-ĐK/TSC.

³⁹ Điều 11, khoản 1. Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. Điều 122. Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị..

⁴⁰ khoản 1: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

chung hiện trạng sử dụng tài sản công theo Mẫu số 08a-ĐK/TSC và báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo Mẫu 08b-ĐK/TSC là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; không công khai tài sản công tại đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng theo Mẫu số 09c-CK/TSC là chưa đúng quy định Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không mua sắm, sửa chữa và thanh lý tài sản công.

2. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- *Công tác tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản, theo dõi, kiểm kê, khấu hao tài sản công:* Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị tiếp nhận một số tài sản thuộc Đề án công nghệ thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông bàn giao và mở sổ theo dõi tài sản cố định. Tuy nhiên, sổ theo dõi tài sản cố định không cập nhật đầy đủ các thông tin như: số hiệu, ngày tháng chứng từ mua tài sản, nước sản xuất, tỷ lệ tính hao mòn, không kiểm kê tài sản định kỳ là chưa đúng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- *Việc báo cáo và công khai tài sản công:* Năm 2024 đơn vị không báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công theo Mẫu số 08a-ĐK/TSC và báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo Mẫu 08b-ĐK/TSC là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính. Đơn vị ban hành Quyết định công khai số 81/QĐ-BQL ngày 31/12/2024 về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024, công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác theo Mẫu số 09c-CK/TSC. Tuy nhiên, đơn vị không thể hiện thời gian thực hiện công khai niêm yết theo quy định là 30 ngày; không công khai Mẫu 9b-CK/TSC về tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là chưa đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- *Việc đầu tư mua sắm; việc sử dụng, sửa chữa tài sản và thanh lý tài sản công:* Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không tổ chức mua sắm, sửa chữa và thanh lý tài sản công.

*** Kiểm tra, xác minh tại Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu Công nghiệp và Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao, kết quả như sau:**

- Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không tiếp nhận tài sản công từ nơi khác chuyển đến. Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu Công nghiệp có ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; đơn vị có in sổ theo dõi tài sản cố định, tuy nhiên, sổ theo dõi tài sản cố định không cập nhật đầy đủ các thông tin như: số hiệu, ngày tháng chứng từ mua tài sản, nước sản xuất, không kiểm kê tài sản định kỳ. Đối với Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao có ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, tuy nhiên, đơn vị không in sổ theo dõi tài sản cố định,



không kiểm kê tài sản định kỳ là chưa đúng quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 5⁴¹ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- Năm 2024, đơn vị không báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công theo Mẫu số 08a-ĐK/TSC và báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo Mẫu 08b-ĐK/TSC là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; không công khai tài sản công tại đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng theo Mẫu số 09c-CK/TSC là chưa đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, đơn vị không tổ chức mua sắm, sửa chữa và thanh lý tài sản công.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

- *Công tác tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản, theo dõi, kiểm kê, khấu hao tài sản công:* Đơn vị không cập nhật đầy đủ các thông tin như: số hiệu, ngày tháng chứng từ mua tài sản, nước sản xuất, tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định của sổ tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- *Việc báo cáo và công khai tài sản công:* Đơn vị thực hiện công khai tài sản công chưa đúng biểu mẫu theo quy định hiện hành; đồng thời còn vi phạm các văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2025, gồm Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Năm 2025 đơn vị không thực hiện công khai hình thành tài sản công tại đơn vị theo Mẫu số 04a-CK/TSC, Mẫu số 04b-CK/TSC; Mẫu số 04c-CK/TSC là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính.⁴²

- *Việc đầu tư mua sắm, sử dụng, sửa chữa tài sản và thanh lý tài sản công:* Đơn vị được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kinh phí mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 số tiền 900.000.000 đồng, việc mua sắm được thực hiện bằng hình thức đấu thầu qua mạng theo quy định, không phát sinh sửa chữa tài sản cố định.

*** Kiểm tra thực tế công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị còn tồn tại, thiếu sót như sau:**

- Đối với Nhà ăn: Đơn vị cho cá nhân (không phải là cán bộ công chức của đơn vị) sử dụng nấu ăn là không đúng quy định tại Điều 6 Điều 7 và Điều 10 Luật Quản

⁴¹ 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Lập thẻ tài sản cố định, kế toán đối với toàn bộ tài sản cố định hiện có của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành; mỗi tài sản cố định được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê.

⁴² Điều 6. Biểu mẫu công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

lý, sử dụng tài sản công năm 2017⁴³. Ngày 18/5/2026, đơn vị đã chấm dứt việc cho thuê, sử dụng khu vực nhà ăn nêu trên.

- Đối với phòng họp số 1, số 2 và hội trường: Đơn vị không thực hiện việc gắn thẻ tài sản cố định, gồm: 02 bộ bàn họp, 15 ghế xoay lớn, 02 bộ thiết bị họp trực tuyến, 01 màn hình LED, 29 học bàn gỗ, 93 ghế gỗ là chưa đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

*** Kiểm tra, xác minh tại Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp, Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật và Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học, kết quả như sau:**

- *Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp:*

Đơn vị không cập nhật đầy đủ các thông tin như: số hiệu, ngày tháng chứng từ mua tài sản, nước sản xuất của sổ tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; không công khai tình hình sử dụng tài sản công theo Mẫu số 04b-CK/TSC là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính; 06 tháng cuối năm 2025, đơn vị không mua sắm, sửa chữa và thanh lý tài sản công.

- *Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật:*

Đơn vị không xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công là chưa đúng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; không mở sổ theo dõi tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính. Định kỳ hàng năm, không công khai tình hình sử dụng tài sản công theo Mẫu số 04b-CK/TSC là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính; 06 tháng cuối năm 2025, đơn vị không mua sắm, sửa chữa và thanh lý tài sản công.

- *Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học:* Đơn vị không cập nhật đầy đủ các thông tin như: số hiệu, ngày tháng chứng từ mua tài sản, nước sản xuất của sổ tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; không công khai việc hình thành tài sản công theo Mẫu số 04a-CK/TSC, Mẫu số 04b-CK/TSC là chưa đúng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính.

III. Việc chấp hành pháp luật về đầu tư

1. Việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, điều chỉnh dự án đầu tư

1.1. Đối với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (viết tắt GCNĐKĐT) cho 59 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong nước;

⁴³ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Điều 6. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công. Điều 7: Hình thức khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công. Điều 10. Các hành vi nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công.

cấp điều chỉnh GCNĐKĐT 333 lượt dự án FDI, trong nước; cấp 11 Thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; tiếp nhận, thẩm định và trình UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với 06 dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp: Tân Khai II, Minh Hưng, Bình Phước, Đồng Nơ, Nam Đồng Phú giai đoạn 2, Minh Hưng - Sikico giai đoạn II.

- Kiểm tra 5 hồ sơ⁴⁴ do Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước tiếp nhận thẩm định, cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT. Kết quả: về trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, về thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư 2020.

- Có 4/5 dự án⁴⁵ khi điều chỉnh GCNĐKĐT, Nhà đầu tư chưa có báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trước khi điều chỉnh dự án theo quy định tại điểm b⁴⁶ khoản 8 và Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy và điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước nhưng Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.

1.2. Đối với Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

- Ban Quản lý cấp GCNĐKĐT cho 99 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong nước; cấp điều chỉnh GCNĐKĐT 638 lượt dự án FDI, trong nước; cấp 38 Thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; tiếp nhận, thẩm định và trình UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư đối với Dự án đầu tư kho xăng dầu Minh Quang - Đồng Nai tại Khu công nghiệp Ông Kèo.

- Kiểm tra 12 hồ sơ⁴⁷ do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai tiếp nhận thẩm định, cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT. Kết quả: về trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, về thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư 2020.

- 12 dự án trên khi điều chỉnh GCNĐKĐT, Nhà đầu tư chưa có báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trước khi điều chỉnh dự án theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch

⁴⁴ 5 hồ sơ (Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long, Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú, Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina, Công ty TNHH Han-A Vina, Công ty TNHH Công nghiệp Hengwei).

⁴⁵ 4/5 dự án (Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú, Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina, Công ty TNHH Han-A Vina, Công ty TNHH Công nghiệp Hengwei).

⁴⁶ b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án.

⁴⁷ 12 hồ sơ (Công ty TNHH Ponhan Valve International, Công ty TNHH Dubuit Inks Việt Nam, Công ty TNHH CS Tech Vina, Công ty TNHH Hogetsu Việt Nam, Công ty TNHH Sản phẩm và Dịch vụ Q Việt Nam, Công ty TNHH E-Way Việt Nam, Công ty TNHH DSD Pmoulding Việt Nam, Công ty Cổ phần Sáng tạo Vnines, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Minh Quang, Công ty TNHH Polarc, Công ty TNHH Silicon Carbide Việt Nam, Công ty TNHH Wooree Vina).

và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước nhưng Ban Quản lý đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.

2. Tình hình quản lý các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền

2.1. Đối với Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

Ngày 13/12/2024, Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước có Công văn số 2315/BQL-ĐTDNLĐ hướng dẫn, nhắc nhở doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án (quý, năm) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư, báo cáo tài chính. Đoàn thanh tra phối hợp với Ban quản lý kiểm tra, xác minh thực tế 5 dự án, kết quả như sau:

- Có 3 dự án điều chỉnh GCNĐKĐT (Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina, Công ty TNHH Han-A Vina, Công ty TNHH Công nghiệp Hengwei) đang trong thời kỳ khai thác, vận hành; 02 dự án đăng ký giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư đã thực hiện bảo đảm thực hiện dự án đầu tư bằng hình thức bảo lãnh ngân hàng và nghĩa vụ ký quỹ đang trong tiến độ thực hiện theo GCNĐKĐT.

- 5 dự án⁴⁸ thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư trên hệ thống thông tin Quốc gia theo quy định.

2.2. Đối với Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

Ngày 25/6/2025, Ban Quản lý có Công văn số 2082/KCNĐN-DN ngày 25/6/2025 hướng dẫn, nhắc nhở doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án (quý, năm) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư, báo cáo tài chính. Đoàn thanh tra phối hợp với Ban quản lý kiểm tra, xác minh thực tế 12 dự án. Kết quả: có 12 dự án⁴⁹ điều chỉnh GCNĐKĐT đang trong thời kỳ khai thác, vận hành, thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư trên hệ thống thông tin Quốc gia theo quy định.

3. Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư định kỳ đối với các dự án đầu tư trong địa bàn khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao

3.1. Đối với Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch số 49/KH-BQL ngày 26/9/2024 về việc giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế năm 2024, Báo cáo số 15/BC-BQL ngày 07/02/2025 về báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư tổng thể năm 2024; ban hành Kế hoạch số 20/KH-BQL ngày 19/3/2025 về việc giám sát, đánh giá dự án đầu tư của

⁴⁸ 5 dự án (Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long, Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú, Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina, Công ty TNHH Han-A Vina, Công ty TNHH Công nghiệp Hengwei).

⁴⁹ 12 Dự án gồm: (Công ty TNHH Ponhan Valve International, Công ty TNHH Dubuit Inks Việt Nam, Công ty TNHH CS Tech Vina, Công ty TNHH Hogetsu Việt Nam, Công ty TNHH Sản phẩm và Dịch vụ Q Việt Nam, Công ty TNHH E-Way Việt Nam, Công ty TNHH DSD Pmoulding Việt Nam, Công ty Cổ phần Sáng tạo Vnines, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Minh Quang, Công ty TNHH Polarc, Công ty TNHH Silicon Carbide Việt Nam, Công ty TNHH Wooree Vina)

các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp năm 2025 thời gian triển khai trong Quý III, Quý IV nên Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước không thực hiện kiểm tra, giám sát do việc sáp nhập 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước.

- Đối với Kế hoạch số 49/KH-BQL, Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 142/QĐ-BQL ngày 26/9/2024 về việc thành lập tổ giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế đối với 23 doanh nghiệp và có Báo cáo số 230/BC-TKT ngày 31/12/2024 về kết quả giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp. Tuy nhiên, việc thực hiện Kế hoạch còn tồn tại sau:

+ Về thời gian ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư: Ban hành Kế hoạch số 49/KH-BQL ngày 26/9/2024 chậm 10 tháng là không đúng quy định tại khoản 1⁵⁰ Điều 12 Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Về trình tự, thủ tục kiểm tra: Ban hành báo cáo số 230/BC-TKT ngày 31/12/2024 về kết quả giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp, không ban hành thông báo kết thúc kiểm tra tại đơn vị là không đúng quy định tại điểm d⁵¹ khoản 4 Điều 15 Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3.2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

Ban Quản lý ban hành Kế hoạch số 28/KH-KCNKKT ngày 29/9/2025 về kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư trên địa bàn các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai năm 2025. Trưởng Ban Quản lý ban hành Quyết định số 280/QĐ-KCNKKT ngày 09/10/2025 kiểm tra đối với 20 doanh nghiệp. Ngày 04/02/2026, Ban Quản lý có Công văn số 630/KCNKKT-DN báo cáo kết quả giám sát, đánh giá tổng thể dự án đầu tư năm 2025. Việc thực hiện Kế hoạch còn tồn tại, thiếu sót sau:

- Về thời gian ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư: Ban hành Kế hoạch số 28/KH-KCNKKT ngày 29/9/2025 chậm 3 tháng là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Về trình tự, thủ tục kiểm tra: Ban Quản lý ban hành Thông báo kết quả giám sát, đánh giá dự án gửi Nhà đầu tư nhưng không có thông báo kết thúc kiểm tra tại đơn vị là không đúng quy định tại điểm d⁵² khoản 4 Điều 15 Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁵⁰ “1. Kế hoạch kiểm tra được xây dựng thành văn bản riêng hoặc đưa vào nội dung của chương trình công tác của cơ quan có thẩm quyền ... Kế hoạch kiểm tra cho năm tiếp theo được gửi về cơ quan tổng hợp kế hoạch kiểm tra quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này trước ngày 30 tháng 11 hàng năm”.

⁵¹ “d) Khi kết thúc kiểm tra tại nơi được kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đại diện có thẩm quyền của đơn vị được kiểm tra biết ...”.

⁵² “d) Khi kết thúc kiểm tra tại nơi được kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đại diện có thẩm quyền của đơn vị được kiểm tra biết”.

4. Chế độ báo cáo hoạt động đầu tư trên Hệ thống thông tin Quốc gia về đầu tư của Cơ quan đăng ký đầu tư

4.1. Đối với Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Về chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư: Có Báo cáo số 15/BC-BQL ngày 07/02/2025 báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư năm 2024 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và khoản 3 và điểm b khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Về chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh và thu hồi GCNĐKĐT: có các văn bản, Báo cáo số 556/BQL-ĐTDNLĐ ngày 09/4/2024, số 1123/BQL-ĐTDNLĐ ngày 04/7/2024, số 1854/BQL-ĐTDNLĐ ngày 17/10/2024, số 144/BQL-ĐTDNLĐ ngày 17/01/2025, số 697/BQL-ĐTDNLĐ ngày 11/4/2025. Trong đó có 3/5 văn bản báo cáo chậm (Văn bản số 1854/BQL-ĐTDNLĐ ngày 17/10/2024, số 144/BQL-ĐTDNLĐ ngày 17/01/2025, số 697/BQL-ĐTDNLĐ ngày 11/4/2025) là chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm b⁵³ khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và quy định tại khoản 1⁵⁴ Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Đối với báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Đoàn thanh tra không kiểm tra xác minh do tài khoản đăng nhập vào Hệ thống của Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước đã bị khóa.

4.2. Đối với Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

- Về chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư: có Văn bản số 630/KCNKTD-DN ngày 03/02/2025 báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư năm 2025 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và điểm b khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Về chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh và thu hồi GCNĐKĐT: có Văn bản số 1256/KCNKKT-ĐT ngày 08/10/2025, Văn bản số 66/KCNKKT-ĐT ngày 07/01/2026 báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Ban Quản lý có thực hiện báo cáo bằng văn bản và trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

⁵³ Hằng quý, hằng năm, cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Bộ KH&ĐT và UBND cấp tỉnh về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi GCNĐKĐT.

⁵⁴ “Nội dung báo cáo và kỳ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư: 1. Cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp thành phố những nội dung sau đây: a) Báo cáo quý được thực hiện trước ngày 15 của tháng đầu quý sau quý báo cáo, gồm những nội dung: Đánh giá về tình hình tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của dự án đầu tư; b) Báo cáo năm được thực hiện trước ngày 10 tháng 4 của năm sau năm báo cáo, gồm những nội dung sau: Đánh giá tình hình đầu tư cả năm, dự kiến kế hoạch thu hút và giải ngân vốn đầu tư của năm sau, danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm”.

5. Công tác phối hợp, xử lý các vi phạm hành chính

5.1. Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

Đơn vị lập 33 Biên bản làm việc, chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 33 doanh nghiệp tổng số tiền 2.805.000.000 đồng do không thực hiện điều chỉnh GCNĐKĐT.

Đã thực hiện chấm dứt đối với 05 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 7.750.000 USD và 02 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 50.000.000.000 đồng. Việc chấm dứt hoạt động do doanh nghiệp gặp khó khăn nên chủ động nộp hồ sơ xin chấm dứt hoạt động dự án.

5.2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

Đơn vị lập 13 Biên bản vi phạm hành chính, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 13 doanh nghiệp tổng số tiền 1.170.000.000 đồng do không thực hiện điều chỉnh GCNĐKĐT, thực hiện dự án trước khi được cấp GCNĐKĐT. Đã chấm dứt đối với 30 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 405.042.647 USD và 04 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 585.000.000.000 đồng. Việc chấm dứt hoạt động do doanh nghiệp gặp khó khăn nên chủ động nộp hồ sơ xin chấm dứt hoạt động dự án.

6. Công tác quản lý và phối hợp quản lý cùng với các sở, ngành, địa phương trong việc quản lý nhà nước về đầu tư khác tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao

6.1. Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Ngày 15/9/2023, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Đơn vị đã phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch và các đơn vị liên quan hỗ trợ doanh nghiệp khi đến tìm hiểu đầu tư vào Khu công nghiệp, Khu kinh tế; tham mưu UBND tỉnh Bình Phước tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản.

6.2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

- Thực hiện Thông báo số 487/TB-KTNN ngày 23/10/2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại UBND tỉnh Đồng Nai, theo đó “UBND tỉnh Đồng Nai chưa ban hành Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 9 Điều 66 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ”. Hiện nay, Ban Quản lý đang tham mưu UBND thành phố: “Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý nhà nước tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đồng Nai”, dự thảo Quyết định ban hành Quy chế đang lấy ý kiến các Sở, ngành để tổng hợp trình UBND thành phố ban hành.

- Đơn vị phối hợp Sở Tài chính trong công tác tham mưu chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn Đồng Nai; cung cấp thông tin cho Sở Ngoại vụ về tình hình hợp tác đầu tư với các đối tác Nhật Bản, Ấn Độ, Lào; cung cấp thông tin đến Sở Công Thương về tình hình kinh tế, thu hút vốn đầu tư FDI, định hướng phát triển các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn thành phố Đồng Nai nhằm xây dựng kế hoạch tuyên truyền, thúc đẩy việc áp dụng sản xuất tiết kiệm, an toàn, khuyến khích đầu tư nghiên cứu áp dụng các quy trình và phương pháp sản xuất thân thiện môi trường, cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất; báo cáo tình hình xây dựng, triển khai thực thi Kế hoạch thực hiện các Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA và Hiệp định RCEP; báo cáo công tác hội nhập kinh tế quốc tế hàng năm.

- Tham mưu UBND thành phố Đồng Nai tăng cường mối quan hệ, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan tham tán thương mại của Việt Nam tại nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan), Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, chính quyền địa phương nước đối tác để giới thiệu về môi trường đầu tư, thông tin về các dự án mời gọi, thu hút đầu tư, triển khai các chương trình hợp tác kinh tế, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến thực hiện dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn.

7. Trong thời kỳ thanh tra Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý không phát sinh hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất danh mục, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký hợp đồng với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và ủy quyền của UBND tỉnh; việc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, và các nguồn vốn hợp pháp khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật; quyết định đầu tư và thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết thỏa thuận đầu tư và ký kết hợp đồng dự án với các nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đối với các dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc nhóm B, C theo ủy quyền; việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng, điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC); việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh đối với việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG TIỀN HÀNH THANH TRA

Trước sáp nhập, Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai luôn cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, chấp hành chế độ kế toán, áp dụng hình thức kế toán theo quy định, chứng từ kế toán phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh. Quản lý tài chính, quản lý tài sản công cơ bản chấp hành theo quy định. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Sau sáp nhập, hợp nhất thành Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu

kinh tế tỉnh Đồng Nai, dù gặp nhiều thách thức về tổ chức bộ máy và nhân sự, đơn vị vẫn duy trì tốt hiệu lực quản lý.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước đã được xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024. Riêng năm 2025, Ban Quản lý chưa được quyết toán. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính; quản lý và sử dụng tài sản công; việc chấp hành pháp luật về đầu tư. Đơn vị còn tồn tại, thiếu sót như sau:

I. Việc chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính

1. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai

- Đơn vị không mở sổ quỹ tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II (Nguyên tắc kế toán tiền mặt), Phụ Lục 02 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; không mở sổ kế toán để ghi chép số thu các khoản phí, lệ phí; không kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng; không in sổ cái, sổ nhật ký chung là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 5; tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5 và điểm c khoản 5 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Đơn vị đã làm thất lạc 04 phiếu thu và 14 phiếu chi tiền mặt là không đúng quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán tại khoản 1 Điều 41 và điểm b khoản 5 Điều 41 Luật Kế toán năm 2015.

- Không thực hiện lập dự toán thu phí, lệ phí theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; chậm nộp tiền thu phí, lệ phí vào NSNN; chưa thực hiện hạch toán, kê khai và xử lý khoản lãi phát sinh chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai; không thực hiện niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Phí và lệ phí năm 2025.

- Sử dụng kinh phí và quyết toán không đúng với số lượng biên chế được giao số tiền 120.000.000 đồng (02 người x 80 triệu/12 tháng x 10 tháng - 10% kinh phí tiết kiệm).

- Sử dụng kinh phí giao không tự chủ để chi các khoản thường xuyên số tiền 195.922.058 đồng là không đúng quy định tại khoản 2, Điều 12 Luật NSNN năm 2015.

- Thanh toán tiền thiết kế, biên tập, in ấn tài liệu; thuê dịch vụ phục vụ Hội nghị FDI 2024, thuê dịch vụ phục vụ Hội thảo Khoa học...có giá trị trên 50 triệu đồng không thực hiện chỉ định thầu là không đúng theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu năm 2023; chi tăng thu nhập dựa trên tổng hệ số lương, hệ số phụ cấp chức vụ năm 2024 là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

- Khoản tiền xăng đi công tác trong thành phố Biên Hòa và các vùng lân cận cách trụ sở <15 km; khoản tiền nhiên liệu cho công chức đi công tác tại Văn phòng

Đại diện là không đúng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Không công khai dự toán điều chỉnh, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 4, 6 tháng, năm 2024, quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024, số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 1/2025 là không đúng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Xây dựng Kế hoạch số 14/KH-KCNĐN ngày 27/02/2024 về công tác phòng chống tham nhũng chậm 31 ngày, Kế hoạch số 7/KH-KCNĐN ngày 05/02/2025 về công tác phòng chống tham nhũng chậm 05 ngày theo chỉ đạo tại mục 1 phần III tại Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2024 và Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Đơn vị chưa tính thu nhập chịu thuế của các khoản thu nhập từ tiền nhuận bút, khoản chi trong các ngày lễ, thu nhập từ tiền làm thêm giờ là không đúng theo quy định tại điểm c, đ7 khoản 2 Điều 2 và điểm i khoản 3 Điều 3 Thông tư số 111/2013 BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đơn vị trực thuộc Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai không xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, 2025.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai, Phó Trưởng ban phụ trách, Bộ phận kế toán và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Không mở sổ kế toán để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; không in và lưu trữ đầy đủ Sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái), chưa thực hiện Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 và điểm c khoản 5 Điều 5 và khoản 7 Điều 6 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Không in chứng từ thanh toán ra giấy và lưu trữ; đồng thời hiện nay, phần mềm kế toán đã khóa và ngừng sử dụng, không thể truy cập vào phần mềm để tra cứu các chứng từ thanh toán trên là không đúng theo khoản 6 Điều 18 Luật Kế toán năm 2015.

- Không thực hiện lập dự toán thu phí, lệ phí theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; chậm nộp tiền thu phí, lệ phí vào NSNN là chưa đúng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; không thực hiện niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí, đối tượng thu và văn bản quy định tại nơi thu theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Phí và lệ phí năm 2015.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ không có ý kiến tham gia bằng văn bản của Công đoàn cơ sở là không đúng quy định tại mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV.



- Không quy định chi tiết các nội dung công tác phí; không xây dựng chi tiết phương án chi trả thu nhập tăng thêm từ nguồn kinh phí tiết kiệm là không đúng quy định tại c khoản 9 và điểm b, điểm c khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

- Công khai dự toán ngân sách năm 2025 chậm 17 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 6; không thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 1/2024 là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Ban hành Kế hoạch số 26/KH-BQL chậm 09 ngày và không chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng Chương trình THPT, CLP năm 2024, năm 2025 là không đúng chỉ đạo tại các Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 và Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 24/2/2025 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Đơn vị trực thuộc Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước không xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, 2025.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Phó Trưởng ban phụ trách, Bộ phận kế toán và đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

- Không mở sổ kế toán tiền mặt của Thủ quỹ; không thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng là không đúng quy định tại điểm 1.2 khoản 1 và tiết b điểm 1.4 khoản 1 Mục II (Nguyên tắc kế toán tiền mặt) Phụ Lục 01 Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024; không mở sổ kế toán để ghi chép số thu các khoản phí, lệ phí; không in Sổ Nhật ký chung để lưu trữ là không đúng quy định khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 10 Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

- Chậm nộp tiền thu phí, lệ phí vào NSNN; chưa thực hiện hạch toán, kê khai và xử lý khoản lãi phát sinh là chưa đúng quy định tại khoản 3 khoản 4 Điều 3 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Còn để tồn đọng chưa xử lý số tiền thu phí, lệ phí đến thời điểm ngày 31/12/2025 là 1.221.864.858 đồng và tiền lãi phát sinh số tiền là 1.518.263 đồng chưa thực hiện nộp vào NSNN là chưa đúng quy định tại Điều 13 Luật Phí và lệ phí năm 2015 và quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; khoản 4 Điều 3 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai và quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính.

- Chi tiền hỗ trợ lao động hợp đồng từ kinh phí tiết kiệm năm 2025 nhưng không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ là không đúng quy định tại điểm c khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ.

- Chi tiền khoán nhiên liệu cho các phòng ban, tiền khen thưởng của các tập thể phòng, tiền mua vật dụng vệ sinh bằng tiền mặt là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Không quy định việc xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán là không đúng quy định tại Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

- Khoán nhiên liệu theo tháng cho công chức các phòng đi công tác cách trụ sở <15 km và khoán tiền nhiên liệu cho công chức công tác tại Văn phòng Đại diện là không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 tại Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; khoán phương tiện đi công tác căn cứ vào Quyết định số 46/2020 ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025 là không đúng quy định.

- Công khai dự toán thu chi ngân sách quý 3 chậm 30 ngày là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; không thực hiện công khai dự toán ngân sách điều chỉnh năm 2025 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Không báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 10 tháng và ước 02 tháng năm 2025 là chưa đúng theo Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Đến thời điểm thanh tra, đơn vị chưa thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 khoản 1 Điều 55 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai, Phó Trưởng ban phụ trách, Bộ phận kế toán và đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Sử dụng kinh phí giao không tự chủ để chi các khoản thường xuyên số tiền 34.501.369 đồng là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật NSNN năm 2015.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai, Bộ phận kế toán và cá nhân có liên quan.

4. Đối với Trung tâm Đào tạo Cung ứng lao động kỹ thuật và Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp

- Đối với Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật: Bố trí nhân sự phụ trách Kế toán không có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán là chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Kế toán năm 2015; không mở Sổ quỹ tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II, Phụ Lục 02 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; hàng tháng; không thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng là không đúng quy định tại tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017; không in Sổ cái để lưu trữ là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Thông



tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và tiết 2 điểm b1 khoản 8 Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

- *Đối với Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp*: Không mở Sổ kế toán quỹ tiền mặt của Thủ quỹ là không đúng theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II, Phụ Lục 02 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; không thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày cuối tháng là không đúng theo quy định tại tiết 1 điểm a khoản 7 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; Thu tiền phí hạ tầng bằng tiền mặt nhưng không lập Phiếu thu tiền mặt và chi các khoản chi bằng tiền mặt nhưng không lập Phiếu chi tiền mặt là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Kế toán năm 2015; không in Sổ cái, Sổ Nhật ký chung để lưu trữ là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; không lập Thuyết minh Báo cáo quyết toán là chưa đầy đủ Danh mục báo cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và khoản 7 Điều 8 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Giám đốc Trung tâm Đào tạo Cung ứng lao động kỹ thuật; Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp, kế toán và cá nhân có liên quan.

II. Việc quản lý và sử dụng tài sản công

1. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai

- Không in sổ tài sản cố định, sổ tài sản cố định không cập nhật đầy đủ các thông tin là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- Không báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công; báo cáo tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản công theo mẫu là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

- Không công khai tài sản công tại đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng theo mẫu là chưa đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Phó Trưởng ban phụ trách, Bộ phận kế toán và đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

- Không cập nhật đầy đủ các thông tin trên sổ theo dõi tài sản cố định; không kiểm kê tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- Không báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công và báo cáo tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản theo mẫu là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

- Thể hiện thời gian công khai niêm yết công khai về tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là chưa đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Phó Trưởng ban phụ trách, Bộ phận kế toán và đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai

- Không cập nhật đầy đủ các thông tin của sổ tài theo dõi sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- Công khai tài sản chưa đúng mẫu, viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực; không công khai tình hình sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo mẫu; không công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo mẫu là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính.

- Đơn vị sử dụng tài sản cho cá nhân sử dụng để nấu, bán suất ăn là không đúng quy định tại các Điều 6 Điều 7 và Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Đến ngày 18/5/2026, đơn vị đã chấm dứt việc cho thuê, sử dụng nhà ăn nêu trên.

- Không thực hiện việc gắn thẻ tài sản cố định tại phòng hợp số 1, số 2 và hội trường là không đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai, Phó Trưởng ban phụ trách, Bộ phận kế toán và đơn vị, cá nhân có liên quan.

4. Đối với Trung tâm Đào tạo - Cung ứng Lao động Kỹ thuật, Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu Công nghiệp và Trung tâm ứng dụng Công nghệ sinh học

- *Đối với Trung tâm Kinh tế hạ tầng Khu công nghiệp:* Không cập nhật đầy đủ các thông tin sổ tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; không công khai tình hình sử dụng tài sản công theo mẫu là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính.

- *Đối với Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật:* Không xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công là chưa đúng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; không mở sổ theo dõi tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; không công khai tình hình sử dụng tài sản công theo Mẫu số 04b-CK/TSC là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính.



- *Đối với Trung tâm ứng dụng Công nghệ sinh học*: Không cập nhật đầy đủ các thông tin sổ tài sản cố định là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; không công khai việc hình thành tài sản công theo mẫu là chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách, kế toán của các Trung tâm Đào tạo - Cung ứng Lao động Kỹ thuật, Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu Công nghiệp và Trung tâm ứng dụng Công nghệ sinh học (trước sáp nhập).

III. Việc chấp hành pháp luật về đầu tư

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư; trong khi Nhà đầu tư chưa có Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trước khi điều chỉnh dự án theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát chậm là chưa đảm bảo thời gian theo quy định khoản 1 Điều 12 Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai khi kết thúc kiểm tra tại đơn vị không có thông báo kết thúc kiểm tra gửi đơn vị là chưa đảm bảo trình tự theo quy định điểm d khoản 4 Điều 15 Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Bình Phước báo cáo tình hình tiếp nhận hồ sơ cấp, điều chỉnh và thu hồi GCNĐKĐT chậm là chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Trách nhiệm tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc về Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai, Phó Trưởng ban phụ trách, Trưởng phòng Quản lý đầu tư, Trưởng phòng Quản lý doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những nội dung kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra thành phố xử lý như sau:

1. Xử lý về kinh tế

- Giao Trưởng đoàn thanh tra tham mưu Chánh thanh tra thành phố Quyết định thu hồi số tiền 315.922.058 đồng của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai đã sử dụng và quyết toán kinh phí năm 2024 không đúng quy định, nộp vào tài khoản

tạm giữ số 3949.0.1046161.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII của Thanh tra thành phố Đồng Nai, bao gồm:

+ Sử dụng kinh phí và quyết toán không đúng với số lượng biên chế được giao số tiền 120.000.000 đồng (02 người x 80 triệu/12 tháng x 10 tháng - 10% kinh phí tiết kiệm).

+ Sử dụng kinh phí giao không tự chủ để chi các khoản thường xuyên số tiền 195.922.058 đồng.

- Đối với việc sử dụng kinh phí giao không tự chủ để chi các khoản thường xuyên năm 2025, số tiền 34.501.369 đồng đến nay chưa được quyết toán. Yêu cầu Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai có văn bản báo cáo Sở Tài chính để được xem xét, hướng dẫn, xử lý.

- Đối với số tiền thu phí, lệ phí còn tồn đọng đến thời điểm 31/12/2025 là 1.221.864.858 đồng và tiền lãi phát sinh 1.518.263 đồng còn tồn đọng trên tài khoản chuyên thu của đơn vị; Yêu cầu Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai khẩn trương, kiểm tra rà soát chính xác số tiền thu phí, lệ phí và tiền lãi phát sinh nộp vào NSNN theo quy định.

2. Xử lý hành chính

2.1. Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố:

Chủ tịch UBND thành phố giao Sở Nội vụ thành phố tham mưu chỉ đạo tổ chức kiểm điểm đối với các tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND thành phố; đồng thời hướng dẫn Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai tổ chức kiểm điểm theo quy định.

2.2. Đối với Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai

- Nộp số tiền 315.922.058 đồng vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.1046161.00000 tại Kho bạc nhà nước Khu vực XVII của Thanh tra thành phố sau khi có quyết định của Chánh Thanh tra thành phố.

- Đề nghị Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai chỉ đạo các phòng ban, đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện một số nội dung sau:

+ Chấn chỉnh việc lập dự toán thu phí, lệ phí hàng năm; việc mở sổ kế toán về thu phí, lệ phí; việc kiểm kê quỹ tiền mặt và lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán; chậm nộp tiền thu phí, lệ phí vào NSNN; chi tiền hỗ trợ lao động hợp đồng từ kinh phí tiết kiệm không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, chi tiền khoán nhiên liệu, việc xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán trong quy chế chi tiêu nội bộ; việc công khai dự toán thu chi ngân sách, báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc sử dụng kinh phí giao không tự chủ chi các khoản thường xuyên; việc cập nhật thông tin trên sổ tài sản cố định, báo cáo tổng hợp chung hiện trạng sử dụng tài sản công; việc công khai tài sản công; công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trước khi điều chỉnh dự án; công tác báo cáo



tình hình tiếp nhận hồ sơ cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; về việc tính thu nhập chịu thuế và kê khai, quyết toán thuế TNCN.

+ Rà soát khắc phục những tồn tại thiếu sót đã nêu tại phần C của Kết luận.

+ Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến tồn tại, thiếu sót được nêu tại Phần C của Kết luận.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính; quản lý và sử dụng tài sản công; việc chấp hành pháp luật về đầu tư tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai. Chánh Thanh tra thành phố Đồng Nai yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả gửi về Thanh tra thành phố trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Chủ tịch UBND thành phố (báo cáo);
- Ban Quản lý các KCNKKT thành phố;
- BLĐ Thanh tra thành phố;
- Phòng NV2 (theo dõi thực hiện KLTT);
- Lưu: VT, ĐTT (Thúy).

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Hồ Thanh Bông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
THÀNH TRƯA THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Phụ lục số: 01

Tổng hợp tình hình dự toán thu, chi ngân sách tại Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Phước, Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai và Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai năm 2024, 2025

(Kèm theo Kết luận số 4/KL-TT ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đồng Nai)

Nội dung	Ban Quản lý các Khu kinh tế Bình Phước	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai	Ban Quản lý các Khu kinh tế Bình Phước	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai 06 tháng cuối năm 2025
	Năm 2024	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2025	
1. Dự toán năm trước chuyển sang, trong đó:	402.750.113	23.283.226	18.466.365	29.388.041	47.854.406
2. Dự toán giao trong năm kể cả bổ sung, trong đó:	7.456.548.108	24.100.352.000	11.276.916.990	40.265.862.072	84.878.828.704
- Kinh phí tự chủ	6.489.323.108	14.082.400.000	7.740.000.000	14.994.000.000	26.831.513.697
- Kinh phí không tự chủ	967.225.000	10.017.952.000	3.536.916.990	25.271.862.072	58.047.315.007
3. Tổng kinh phí được phép sử dụng, trong đó:	7.859.298.221	24.123.635.226	11.295.383.355	40.295.250.113	84.926.683.110
- Kinh phí tự chủ	6.892.073.221	14.105.683.226	7.758.466.365	15.023.388.041	26.879.368.103
- Kinh phí không tự chủ	967.225.000	10.017.952.000	3.536.916.990	25.271.862.072	58.047.315.007
4. Tổng kinh phí đã sử dụng, trong đó:	7.471.043.198	18.133.751.228	4.472.783.958	8.442.274.567	73.751.208.753
- Kinh phí tự chủ, trong đó:	6.873.606.856	13.743.089.063	3.888.172.659	7.251.491.051	23.786.971.458
- Kinh phí không tự chủ chi các nhiệm vụ chuyên môn	597.436.342	4.390.662.165	584.611.299	1.190.783.516	49.964.237.295
5. Kinh phí còn lại	388.255.023	5.989.883.998	6.822.599.397	31.777.411.546	11.175.474.357

- Kinh phí tự chủ	18.466.365	362.594.163	3.870.293.706	7.771.896.990	3.092.396.645
- Kinh phí không tự chủ	369.788.658	5.627.289.835	2.952.305.691	24.005.514.556	8.083.077.712
5.1. Kinh phí giảm, hủy	369.788.658	5.960.495.980	0	0	11.175.474.357
- Kinh phí tự chủ	0	333.206.122	0	0	3.092.396.645
- Kinh phí không tự chủ	369.788.658	5.627.289.858	0	0	8.083.077.712
5.2. Kinh phí còn lại chuyển năm sau	18.466.365	29.388.041	0	0	0



UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
THANH TRA THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục số: 02

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỨNG TỪ THANH TOÁN - NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ
ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI - NĂM 2024
(Kèm theo Kết luận số 14/KL-TT ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đồng Nai)

STT	Loại chứng từ	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Số tiền	Diễn giải	Nguồn	Tính chất nguồn	Tiêu mục	Ghi chú
I. Tổng cộng chi sai nguồn tự chủ sang không tự chủ:				195.922.058					
1	CKKB	214	10/10/2024	49.567.216	Thanh toán tiền mua mực máy in phục vụ công tác (Hóa đơn số 1072 ngày 09/10/2024)	-nt-	12	6551	Vật tư VPP
2	CKKB	060	02/04/2024	478.281	Thanh toán tiền cước phí bưu điện từ tháng 02/2024 (Hóa đơn số 2002 ngày 29/02/2024)	-nt-	12	6603	Cước bưu chính
3	CKKB	099	15/05/2024	1.274.460	Thanh toán tiền cước phí bưu điện tháng 4/2024 (Hóa đơn số 5521 ngày 30/4/2024)	-nt-	12	6603	Cước bưu chính
4	CKKB	211	08/10/2024	1.125.316	Thanh toán tiền cước phí bưu điện tháng 8/2024 (Hóa đơn số 11031 ngày 24/8/2024)	-nt-	21	6603	Cước bưu chính
5	CKKB	054	01/04/2024	3.200.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 11 CBCC: 32 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
6	CKKB	083	02/05/2024	4.800.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 15 CBCC: 48 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
7	CKKB	083	02/05/2024	800.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh của 02 CBCC: 04 lượt công tác x 200.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí

8	CKKB	083	02/05/2024	1.800.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 06 CBCC: 12 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
9	CKKB	107	03/06/2024	2.550.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 06 CBCC: 17 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
10	CKKB	107	03/06/2024	300.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh tại KCN Định Quán, KCN Xuân Lộc của 02 CBCC: 02 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
11	CKKB	107	03/06/2024	3.700.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 19 CBCC: 37 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
12	CKKB	124	01/07/2024	7.600.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 18 CBCC: 76 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
13	CKKB	124	01/07/2024	450.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 02 CBCC: 03 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
14	CKKB	151	01/08/2024	750.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác tại KCN Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc đi về trong ngày của 04 CBCC: 05 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
15	CKKB	151	01/08/2024	6.600.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 19 CBCC: 66 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
16	CKKB	151	01/08/2024	150.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 01 CBCC: 01 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
17	CKKB	182	04/09/2024	150.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác tại KCN Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc đi về trong ngày của 04 CBCC: 01 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí

18	CKKB	182	04/09/2024	6.600.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 27 CBCC: 66 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
19	CKKB	182	04/09/2024	1.050.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 04 CBCC: 07 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
20	CKKB	199	01/10/2024	150.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 01 CBCC: 1 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
21	CKKB	199	01/10/2024	8.800.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 24 CBCC: 88 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
22	CKKB	199	01/10/2024	300.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác tại KCN Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc đi về trong ngày của 02 CBCC: 02 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
23	CKKB	199	01/10/2024	1.800.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh của 03 CBCC: 9 lượt công tác x 200.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
24	CKKB	24	01/02/2024	2.600.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 11 CBCC: 26 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
25	CKKB	24	01/02/2024	400.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh của 01 CBCC: 02 lượt công tác x 200.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
26	CKKB	24	01/02/2024	150.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 01 CBCC: 01 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí
27	CKKB	260	02/12/2024	1.200.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh của 02 CBCC: 06 lượt công tác x 200.000 đồng/lượt	-n/-	12	6702	Công tác phí



28	CKKB	260	02/12/2024	1.050.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 06 CBCC: 07 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
29	CKKB	260	02/12/2024	5.800.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác trong tỉnh đi về trong ngày của 16 CBCC: 58 lượt công tác x 100.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
30	CKKB	260	02/12/2024	450.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác tại KCN Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc đi về trong ngày của 03 CBCC: 03 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
31	CKKB	310	31/12/2024	2.000.000	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh của 04 CBCC: 10 lượt công tác x 200.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
32	CKKB	310	31/12/2024	1.584.500	Phụ cấp công tác phí đi công tác ngoài tỉnh đi về trong ngày của 06 CBCC: 11 lượt công tác x 150.000 đồng/lượt	-nt-	12	6702	Công tác phí
33	CKKB	275	11/12/2024	10.000.000	Thanh toán tiền thuê xe 45 chỗ phục vụ Đoàn tham dự Hội thi giao lưu văn hóa - thể thao Cụm Miền Đông Nam bộ tại Tây Ninh từ 06-07/12/2024 (Hóa đơn số 123 ngày 10/12/2024)	-nt-	12	6751	Thuế xe
34	CKKB	243	11/11/2024	3.355.000	Chuột, bàn phím máy tính (Hóa đơn số 190 ngày 06/11/2024)	-nt-	12	6912	Vật tư VPP
35	CKKB	252	26/11/2024	4.480.000	Thanh toán tiền mua ổ cứng (hư thay thế) lưu trữ dữ liệu - (Hóa đơn số 197 ngày 22/11/2024)	-nt-	12	6912	Vật tư VPP
36	CKKB	048	26/03/2024	1.630.000	Thanh toán gói cước sim chữ ký số phục vụ công tác (Hóa đơn số 1198 ngày 31/3/2024)	-nt-	12	7053	Vật tư VPP
37	CKKB	093	07/05/2024	5.315.600	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 577 ngày 30/4/2024)	-nt-	12	7761	Nước
38	CKKB	104	28/05/2024	4.234.680	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 735 ngày 28/5/2024)	-nt-	12	7761	Nước
39	CKKB	43	14/03/2024	11.371.605	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan tháng 01/2024 (Hóa đơn số 150 ngày 31/01/2024)	-nt-	12	7761	Nước

40	CKKB	43	14/03/2024	4.039.200	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan tháng 02/2024 (Hóa đơn số 249 ngày 28/02/2024)	-nt-	12	7761	Nước
41	CKKB	133	09/07/2024	5.653.800	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 942 ngày 29/6/2024)	-nt-	12	7799	Nước
42	CKKB	147	29/07/2024	5.653.800	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 1081 ngày 27/7/2024)	-nt-	12	7799	Nước
43	CKKB	209	07/10/2024	3.051.000	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 1423 ngày 30/9/2024)	-nt-	12	7799	Nước
44	CKKB	235	31/10/2024	5.383.800	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 1576 ngày 29/10/2024)	-nt-	12	7799	Nước
45	CKKB	267	03/12/2024	6.415.800	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 1772 ngày 30/11/2024)	-nt-	12	7799	Nước
46	CKKB	304	30/12/2024	6.108.000	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 1937 ngày 31/12/2024)	-nt-	12	7799	Nước

II. Tổng cộng chi các hồ sơ chưa đảm bảo căn cứ pháp lý, thành phần, trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư

1	CKKB	050	26/03/2024	84.240.000	Thanh toán tiền thiết kế, biên tập, in ấn 500 bộ tài liệu (Chính sách mới, tình hình phát triển KTXH, các câu hỏi và trả lời vướng mắc ...) phục vụ Hội nghị FDI năm 2024 (Hóa đơn số 019 ngày 25/3/2024)	KP thực hiện nhiệm vụ	12	6651	
2	CKKB	071	11/04/2024	94.122.000	Chi phí thuê dịch vụ phục vụ Hội nghị FDI 2024 (Thuê phòng, Mãn hình, In phòng nền, Teabreak) - (Hóa đơn số 1000 ngày 04/4/2024)	-nt-	12	6655	



3	CKKB	141	18/07/2024	54.432.000	Chi phí thuế dịch vụ phục vụ Hội thảo Khoa học theo Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 03/6/2024 (Thuế phòng, Mán hình, In phòng nền, Teabreak) - (Hóa đơn số 2204 ngày 15/7/2024)	-nt-	12	6655	
4	CKKB	312	31/12/2024	81.850.000	Chi phí thuế dịch vụ phục vụ Hội nghị giao thương doanh nghiệp Nhật Bản (Thuế phòng, Mán hình, trưng bày, chạy chương trình) - (Hóa đơn số 10359 ngày 30/12/2024)	-nt-	12	6655	



UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
THANH TRA THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số: 03

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỨNG TỪ THANH TOÁN - NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ
ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ ĐỒNG NAI - NĂM 2025
(Kèm theo Kế luận số 4/KL-TT ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đồng Nai)

STT	Loại chứng từ	Số chứng từ	Ngày chứng từ	TK Có	Số tiền	Diễn giải	Nguồn	Tính chất nguồn	Tiểu mục	Ghi chú
1	CKKB	22	12/02/2025	008212	3.921.000	Tiền nước uống phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 48 ngày 23/01/2025)	KP thực hiện nhiệm vụ	12	7799	Tiền nước
2	CKKB	35	26/02/2025	008212	3.377.000	Thanh toán tiền giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, nước rửa tay phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 42 ngày 14/02/2025)	-nt-	12	6599	Tiền giấy vệ sinh
3	CKKB	35	26/02/2025	008212	7.020.000	Thanh toán tiền giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, nước rửa tay phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 41 ngày 14/02/2025)	-nt-	12	6599	Tiền giấy vệ sinh
4	CKKB	123	12/06/2025	008212	7.669.080	Thanh toán tiền giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, nước rửa tay phục vụ công tác cơ quan (Hóa đơn số 220 ngày 11/6/2025)	-nt-	12	6599	Tiền giấy vệ sinh
5	CKKB	.33	15/08/2025	008212	1.222.032	Thanh toán tiền bưu điện phục vụ công tác cơ quan tháng 6/2025 (số hóa đơn 11004 ngày 31/7/2025)	-nt-	12	6603	Tiền cước bưu chính
6	CKKB	.71	24/09/2025	008212	299.000	Thanh toán tiền Internet	-nt-	12	6605	Tiền Internet
7	CKKB	.71	24/09/2025	008212	299.000	Thanh toán tiền Internet	-nt-	12	6605	Tiền Internet
8	CKKB	.71	24/09/2025	008212	299.000	Thanh toán tiền Internet	-nt-	12	6605	Tiền Internet
9	CKKB	.71	24/09/2025	008212	299.000	Thanh toán tiền Internet	-nt-	12	6605	Tiền Internet

10	CKKB	.170	11/11/2025	008212	160.000	Thanh toán tiền điện thoại (Số hóa đơn 1281502 ngày 02/11/2025)	-nt-	12	6101	Tiền điện thoại
11	CKKB	.170	11/11/2025	008212	160.000	Thanh toán tiền điện thoại (Số hóa đơn 1654463 ngày 02/11/2025)	-nt-	12	6101	Tiền điện thoại
12	CKKB	.170	11/11/2025	008212	160.000	Thanh toán tiền điện thoại (Số hóa đơn 1842761 ngày 02/11/2025)	-nt-	12	6101	Tiền điện thoại
13	CKKB	.170	11/11/2025	008212	160.000	Thanh toán tiền điện thoại (Số hóa đơn 1466139 ngày 02/11/2025)	-nt-	12	6101	Tiền điện thoại
14	CKKB	39	03/03/2025	008212	9.456.257	Thanh toán tiền làm thêm ngoài giờ phục vụ công tác từ 01/01/2025-25/02/2025	-nt-	12	6105	Tiền trực tết
				Tổng cộng:	34.501.369					